

Số: /BC-UBND

Trà Hiệp, ngày tháng 8 năm 2023

BÁO CÁO

Tình hình và kết quả thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững năm 2022 và 7 tháng đầu năm 2023

Thực hiện Công văn số 184/ĐGS ngày 02/8/2023 của Đoàn giám sát về việc kiểm tra, giám sát thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững năm 2023;

Nay UBND xã Trà Hiệp báo cáo, như sau:

I. Công tác chỉ đạo, điều hành, tổ chức triển khai thực hiện Chương trình giai đoạn 2021-2025, năm 2022 và 7 tháng đầu năm 2023

1. Công tác ban hành văn bản triển khai thực hiện

UBND xã đã kiện toàn ban quản lý; ban hành Quy chế hoạt động của Ban Quản lý các Chương trình mục tiêu quốc gia xã Trà Hiệp giai đoạn 2021-2025; Thông báo Phân công nhiệm vụ của thành viên ban quản lý các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn xã Trà Hiệp; Thành lập Ban phát triển thôn.

2. Công tác phối hợp giữa các phòng ban

Trong quá trình triển khai thực hiện 03 Chương trình Mục tiêu quốc gia, có nhiều nội dung mới, công chức phụ trách cập nhật các văn bản giải đáp cũng như các văn bản hướng dẫn thực hiện của cấp trên.

3. Tình hình thực hiện chế độ báo cáo:

Báo cáo kịp thời, đầy đủ các nội dung, thời gian theo quy định.

4. Tình hình, kết quả thực hiện lập, thẩm định, phê duyệt các dự án thuộc chương trình

- Đối với các dự án hỗ trợ phát triển sản xuất đã nộp 4 dự án lên UBND huyện (02 dự án cho phòng Lao động, TB&XH; 02 dự án cho phòng NN&PTNT)

5. Việc chấp hành các biện pháp xử lý của chủ quản chương trình, chủ trì dự án thành phần: Không có.

6. Công tác báo cáo và đề xuất phương án xử lý khó khăn, vướng mắc, vấn đề vượt quá thẩm quyền

Báo cáo đánh giá bao quát khá đầy đủ việc thực hiện các chương trình Mục tiêu quốc gia theo chức năng, nhiệm vụ được giao chỉ ra những thế mạnh tiếp tục phá huy và những điểm sai để sửa chữa khắc phục.

II. Tình hình và kết quả thực hiện chương trình

1. Kết quả thực hiện các dự án

a) Năm 2022

Căn cứ Quyết định số 3187/QĐ-UBND ngày 15/8/2022 của UBND huyện Trà Bồng về việc phân bổ vốn sự nghiệp Chương trình MTQG giảm nghèo năm 2022 (nguồn vốn ngân sách Trung ương).

*** Đối với Dự án 1-Tiểu dự án 1:**

Hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội các huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo: “Sửa chữa Thủy lợi Nà Ta Vrai” công trình đã được nghiệm thu đưa vào sử dụng.

Tiến độ giải ngân 287/287 triệu đồng, đạt 100% (còn 13 triệu huyện chưa phân bổ)

*** Đối với Dự án 2 Giảm nghèo bền vững**

UBND xã đã nộp Dự án Lợn nội sinh sản tại phòng Lao động TB&XH huyện, đang đợi báo cáo kết quả thẩm định của Tổ thẩm định hồ sơ huyện Trà Bông với số lượng con giống, vật tư, máy móc được hỗ trợ, như sau: (45 con lợn nội sinh sản; 2.925 kg thức ăn cám Greenfeed; 05 cái máy băm chuối/9 hộ hưởng lợi ở thôn Cả/01 dự án).

Tiến độ giải ngân 0/230 triệu đồng, đạt 0%.

*** Đối với Dự án 3-Tiểu dự án 1 Hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp**

Đã nộp Dự án Bò cái nội nuôi sinh sản tại phòng NNN&PTNT huyện, đang đợi báo cáo kết quả thẩm định của Tổ thẩm định hồ sơ huyện Trà Bông, với số lượng con giống, vật tư được hỗ trợ, như sau: (5 con Bò cái nội sinh sản; 580 kg Cỏ giống Ghi nê lá lớn; 100kg Phân bón NPK (16 - 6 -8)/2 hộ hưởng lợi ở thôn Bãng).

Tiến độ giải ngân 0/115 triệu đồng, đạt 0%.

*** Đối với Dự án 4-Tiểu dự án 1 Phát triển giáo dục nghề nghiệp vùng nghèo, vùng khó khăn**

UBND xã đã “Điều tra, khảo sát, thống kê, dự báo nhu cầu đào tạo, ngành nghề đào tạo; đánh giá xác định kỹ năng thiếu hụt của người học; tư vấn hướng nghiệp, định hướng nghề nghiệp”.

Tiến độ giải ngân 22/22 triệu đồng, đạt 100%. (còn 1 triệu huyện chưa phân bổ)

b) Năm 2023

Căn cứ Quyết định số 1264/QĐ-UBND ngày 29/3/2023 của UBND huyện Trà Bông về việc phân bổ vốn sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững năm 2023 (nguồn vốn: Ngân sách trung ương).

*** Đối với Dự án 2 Giảm nghèo bền vững**

UBND xã, đã nộp 01 Dự án Hỗ trợ giống quế ươm trong túi bầu tại phòng Lao động TB&XH huyện, đang đợi báo cáo kết quả thẩm định của Tổ thẩm định hồ sơ huyện Trà Bông, với số lượng cây giống, vật tư được hỗ trợ, như sau: (192.000 cây quế/30 hộ hưởng lợi ở thôn Bãng).

Tiến độ giải ngân 0/460 triệu đồng, đạt 0%.

b) Đối với Dự án 3-Tiểu dự án 1 Hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp

UBND xã, đã nộp Dự án Hỗ trợ giống quế ương trong túi bầu tại phòng NN&PTNT huyện, đang đợi báo cáo kết quả thẩm định của Tổ thẩm định hồ sơ huyện Trà Bồng với số lượng cây giống, vật tư được hỗ trợ, như sau: (135.000 cây quế/27 hộ hưởng lợi ở thôn Cua).

Tiền độ giải ngân 0/322 triệu đồng, đạt 0%.

c) Dự án 5 Hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn các huyện nghèo

Thực hiện Quyết định 2873/QĐ-UBND ngày 5/7/2023 về việc phê duyệt danh sách hộ trợ nhà ở HN, HCN thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững năm 2023: Trà Hiệp hỗ trợ 35 nhà xây mới với nguồn kinh phí: 1.610.000 triệu đồng với mức hỗ trợ xây mới 40.000 triệu đồng/hộ. (Hiện đang tiến hành triển khai xây dựng giai đoạn I) UBND xã đã làm văn bản xin điều chỉnh quyết định phê duyệt danh sách hộ trợ nhà ở hộ nghèo cho 06 hộ đi làm ăn xa, không có ở địa phương và nhận hỗ trợ làm nhà ở thuộc chương trình giảm nghèo năm 2023.

Tiền độ giải ngân 0/1.610 triệu đồng, đạt 0%.

d) Dự án 7 Nâng cao năng lực và giám sát, đánh giá Chương trình

Tiểu dự án 1: Nâng cao năng lực thực hiện Chương trình

UBND xã đang lập dự toán tổ chức lớp tập huấn nâng cao năng lực cho cán bộ ở cấp thôn và tham quan mô hình ở tỉnh Quảng Nam.

Tiểu dự án 2: Giám sát, đánh giá

+ Chưa thực hiện.

Tiền độ giải ngân 0/46 triệu đồng, đạt 0%.

III. Kết quả thực hiện các mục tiêu của Chương trình

Kết quả thực hiện cụ thể từng mục tiêu, chỉ tiêu của Chương trình được thể hiện chi tiết tại biểu 01 đến biểu.

(Có biểu số kèm theo)

IV. Kết quả thực hiện các chính sách giảm nghèo chung

1. Về Công tác Y tế

- Về y tế: Năm 2022 thực hiện hỗ trợ thẻ BHYT cho hộ nghèo, hộ DTTS và các nhóm đối tượng được nhà nước hỗ trợ như sau: UBND xã tiến hành gia hạn sử dụng thẻ cho 1798 thẻ trong đó: Hộ nghèo: 1387 thẻ, DTTS: 306 Người có công: 20 thẻ, BTXH: 28 thẻ, ĐBKK: 19 thẻ; NCT: 10 thẻ. Và bổ sung thẻ mới trong năm 2022. Trẻ em 56 thẻ. thẻ HN: 18 thẻ, DTTS: 31 thẻ. ĐBKK: 04 thẻ. Đã báo giảm 12 người chết trong năm 2022.

Trong 6 tháng đầu năm 2023, Trạm Y tế xã đã khám, chữa bệnh cho 192 lượt người. Trong đó: Khám bảo hiểm y tế 186 lượt, khám Y học cổ truyền và Y học hiện đại: 06 lượt người.

Số bệnh nhân điều trị ngoại trú: 186 lượt người. Trẻ em < 15 tuổi: 94 lượt người.

Trạm Y tế xã đã tham mưu Đảng uỷ, HĐND, UBND xã chăm điểm và đề nghị cấp có thẩm quyền công nhận đạt tiêu chí số 15 (tiêu chí y tế) về xây dựng NTM theo kế hoạch đề ra.

2. Về giáo dục

-Thực hiện chính sách hỗ trợ chi phí học tập cho học sinh khối tiểu học và THCS theo Nghị định 86/2015/NĐ-CP. Số học sinh tiểu học hỗ trợ chi phí học tập năm học 2021-2022 là 280em số tiền học kỳ I +II: 378.000; Năm học 2022-2023: 296 em số tiền: 177.600. Số học sinh THCS năm học 2021-2022: 144 học sinh số tiền: 194.250 đồng; năm học 2022-2023 hỗ trợ 130 em số tiền: 78.000đồng. Tổng kinh phí hỗ trợ: 568 học sinh 766.500 đồng, năm học 2022-2023; 556 học sinh số tiền: 333.600đồng.

-Trường mẫu giáo: Số học sinh: Hỗ trợ tiền ăn trưa học kỳ II năm học 2021-2022 cho 161 em số tiền: 128.800.000đồng; Học kỳ I năm học 2022-2023 cho 148 em số tiền: 94.720.000đồng; Hỗ trợ chi phí học tập học kỳ I+II năm học 2021-2022 và 2022-2023 cho học kỳ I: 173 em số tiền: 129.750.000đ học kỳ II cho 162 em số tiền: 97.200.000 đồng. Hỗ trợ trẻ em khuyết tật: 01 em số tiền: 11.728.000+4.768.000đ= 16.556.000đồng.

Năm học 2022 -2023, toàn xã có 425 học sinh đang theo học ở các bậc học. Các trường đã tiến hành tổ chức sơ kết học kỳ I, năm học mới 2022 -2023. Sau Tết Nguyên đán Quý Mão năm 2023 không có trường hợp học sinh bỏ học. Nhìn chung, các trường đã thực hiện tốt kế hoạch xây dựng trường học thân thiện, học sinh tích cực của Bộ Giáo dục -Đào tạo đề ra, số lượng học sinh đến lớp ở các bậc học đảm bảo theo kế hoạch, chất lượng dạy và học được nâng lên. cơ sở vật chất từng bước đáp ứng nhu cầu dạy và học. Hiện nay, các trường đã tổ chức tổng kết năm học 2022-2023.

3. Về các chính sách xã hội

a) Về Bảo trợ xã hội

Tổng đối tượng BTXH xã đang quản lý trong năm 2022 như sau: 210 đối tượng số tiền: 114.300.000đ. Trong đó: Trẻ em từ 4-16 tuổi không có nguồn nuôi dưỡng là: 04; Trẻ em dưới 3 tuổi thuộc HN, CN: 130 em.

Đơn thân nuôi 01 con: 05 đối tượng, 02 con: 08 đối tượng; đơn thân nuôi 03 con: 01 đối tượng. Người cao tuổi: từ 60-80 tuổi thuộc HN là 1 đối tượng, NCT từ 80 tuổi trở lên: 01 đối tượng: NCT từ 80 tuổi không có nguồn nuôi dưỡng, trợ cấp hàng tháng: 17 đối tượng. NCT từ 75-80 tuổi thuộc HN,CN: 06 đối tượng: Người khuyết tật đặc biệt nặng: 07 đối tượng: Khuyết tật nặng: 20 đối tượng. Chăm sóc trẻ em mồ côi: 02; Chăm sóc NKT là 07 đối tượng.

Đã chi trợ cấp NCC tháng 01 đến 07/2023 cho 27 đối tượng số tiền: 55.305.000 đồng/tháng và tiền quà tết của Chủ tịch nước hỗ trợ 300.000 đồng/người và quà chương trình tỉnh hỗ trợ 500.000 đồng/người. Thân nhân gia đình liệt sĩ tỉnh hỗ trợ 01 xuất quà bằng hiện vật trị giá 400.000đồng/xuất cho 23 hộ gia đình.

b) Về Nhà ở

Đang thi công, xây dựng 07 ngôi nhà từ kênh mặt trận hỗ trợ các hộ gia đình có nhà ở bị sập hoàn toàn sau cơn bão số 9 năm 2022, mỗi nhà trị giá 50.000.000 đồng.

Năm 2023 thực hiện Quyết định số 2873/QĐ-UBND huyện Trà Bồng phê duyệt danh sách hỗ trợ nhà ở hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2023 cho 35 nhà hiện đang triển khai và giải ngân.

Hỗ trợ nhà ở hộ nghèo có thành viên là gia đình người có công cách mạng cho 01 hộ bà Hồ Thị Lung tổ 4 thôn Cưa do đơn vị Chi nhánh Ngân hàng NN&PTNT huyện hỗ trợ với nguồn kinh phí 50.000.000đồng/ nhà.

- **Tiền điện:** Hỗ trợ quý I+II cho 310 hộ nghèo số tiền: 51.150.000đ/ quý , Quý III+IV cho 308 hộ nghèo số tiền: 50.820.000đ/ quý. (đã hỗ trợ cho hộ dân quý I và quý II). Trong 06 tháng đầu năm 2023 UBND xã đã thực hiện chi hỗ trợ cho 270 hộ nghèo số tiền 44.550.000đồng/ quý. (hiện đã chi xong quý I+II)

- **Về tín dụng:** Trong năm 2022 xã thực hiện phân bổ kế hoạch tín dụng cho các hội đoàn thể và tổ chức cho vay vốn số hộ vay: 373 hộ tổng dư nợ: 17.331.000.000 đồng trong đó: Đoàn Thanh niên: 78 hộ dư nợ: 4.627.000.000đ; Hội Cựu chiến binh: 4.085.000.000; Hội Nông dân 149 hộ, 6.779.000.000đ; Hội Phụ nữ: 54 hộ số tiền: 1.840.000.000đồng.

Vay vốn tín dụng ngân hàng chính sách xã hội 2023:

- Tổng dư nợ trên toàn xã tính đến ngày 30/6/2023 là: 18.474.600.000 đồng/385 hộ, trong đó:

- Hội phụ nữ là: 1.964.600.000 đồng/56 hộ.

- Hội nông dân là: 7.331.300.000 đồng/153 hộ.

- Hội Cựu Chiến Binh là: 4.217.000.000 đồng/95 hộ.

- Đoàn Thanh Niên là: 4.961.700.000 đồng/81 hộ.

- **Về trợ giúp pháp lý:** Trong năm 2023 xã phối hợp với trung tâm trợ giúp pháp lý của tỉnh về tuyên truyền pháp luật cho bà con thôn Cả với: 148 hộ tham gia đạt 100%.

V. Khó khăn, vướng mắc và nguyên nhân

Trong quá trình triển khai các Chương trình Mục tiêu quốc gia là chương trình mới, có nhiều nội dung, nhiều đầu mối chủ trì, quản lý, tổ chức thực hiện nên việc triển khai thực hiện chương trình còn nhiều khó khăn.

Nguồn vốn phân bổ chậm, các văn bản hướng dẫn chưa kịp thời, bên cạnh đó lại rơi vào mùa mưa lũ gây khó khăn cho việc thi công, công trình cũng như lịch thời vụ.

Hiện nay Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính chưa ban hành văn bản mẫu để thống nhất ký hợp đồng với đại diện tổ nhóm cộng đồng để triển khai thực hiện các dự án của chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững và Chương trình dân tộc thiểu số và miền núi.

VI. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Ưu điểm

Hầu hết các cơ chế, chính sách quy định tại Nghị định 27/2022/NĐ-CP chưa thể tổ chức thực hiện hiệu quả, như: cơ chế lồng ghép nguồn lực các Chương trình mục tiêu quốc gia, cơ chế phân cấp, phân quyền cho địa phương, cơ chế hỗ

trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị, cơ chế đặc thù đầu tư dự án quy mô nhỏ, kỹ thuật không phức tạp.

2. Tồn tại

Văn bản ban hành cơ chế, chính sách, hướng dẫn quản lý, tổ chức thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia chưa bảo đảm tính thống nhất, tính phù hợp và tính khả thi. Cụ thể, tại Nghị định số 27/2022/NĐ-CP của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia có tới 21/42 điều còn nhiều bất cập, chưa phù hợp với thực tiễn, gây khó khăn, vướng mắc trong triển khai thực hiện. Trong 21 điều vướng mắc có 16 điều cần phải được Chính phủ sửa đổi, bổ sung và có những vấn đề mới cần được quy định cụ thể trong Nghị định số 27/2022/NĐ-CP.

VII. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

1. Bổ sung quy định cơ chế đặc thù về sử dụng vốn đầu tư công để hỗ trợ trực tiếp cho một số đối tượng chính sách thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia dự án 1 của Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

2. Bổ sung cơ chế đặc thù trong lập, phê duyệt và giao kế hoạch vốn theo tầm nhìn giai đoạn 5 năm, bao gồm cả kế hoạch vốn đầu tư phát triển, kế hoạch vốn thường xuyên.

3. Thời gian hỗ trợ 02 chương trình khác nhau tại khoản 5, điều 17, Thông tư 02/2022/TT-CP của UBND thời gian hỗ trợ không quá 05 năm còn tại điểm h, khoản 2, điều 4, thông tư 09 của BLĐTĐ&XH thời gian hỗ trợ tối đa 03 năm, đề nghị điều chỉnh cùng thời gian.

4. Theo quy định tại khoản 6, điều 22, Nghị định 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 quy định: Cơ quan, đơn vị được giao vốn thực hiện hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất ký hợp đồng với đại diện tổ nhóm cộng đồng nhưng hiện tại chưa có mẫu hợp đồng để thống nhất.

5. Đối với các dự án phát triển sản xuất cộng đồng chưa có văn bản nói rõ có đấu thầu hay không.

Trên đây là Báo cáo Tình hình và kết quả thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững năm 2022 và 7 tháng đầu năm 2023 của UBND xã Trà Hiệp./.

Nơi nhận:

- Phòng Lao động TB&XH;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH

Hồ Văn Trường